

CHƯƠNG 9

अथैवमुक्तोऽपि स तेन भिक्षुणा जगाम नैवोपशमं प्रियां प्रति ।

तथा हि तामेव तदा स चिन्तयन्न तस्य शुश्राव विसंज्ञबद्धचः ॥ १ ॥

Giờ đây, mặc dầu đã được vị tỷ khuu ấy khuyên giải như thế, Nanda vẫn không thể nguôi được hình bóng người yêu, cũng vì Nanda luôn nghĩ đến chỉ có một mình nàng như ngày như đêm, nên không lắng nghe lời nói của vị tỷ khuu ấy. (1)

यथा हि वैद्यस्य विकीर्णतः शिष्यं वचो न गृह्णाति मुमुर्षुरातुरः ।

तथैव मत्तो बलरूपयौवनैर्हितं न जग्राह स तस्य तद्धचः ॥ २ ॥

Bởi vì, giống như một người bị bệnh chỉ muốn chết đi, không thêm nghe lời khuyên tốt lành của vị thầy thuốc muốn cứu sống gã; cũng như thế ấy, Nanda vì hừng khởi với sự tráng kiện, vẻ xinh đẹp, và sự trẻ trung, nên không nghe lời khuyên bảo hữu ích của vị tỷ khuu ấy. (2)

न चात्र चित्रं यदि रागपाप्मना मनोऽभिभूयेत तमोवृत्तात्मनः ।

नरस्य पाप्मा हि तदा निवर्तते यदा भवत्यन्तर्गतं तमस्तनु ॥ ३ ॥

Vấn đề này cũng không có gì lạ nếu bản thân còn ở trong vòng vô minh, tâm bị chế ngự bởi sự ô nhiễm của dục tính; bởi vì, chỉ khi nào màng vô minh bị xuyên thủng và tiêu hoại đi, thì khi ấy sự ô nhiễm của con người mới ngừng lại. (3)

ततस्तथाक्षिसमवेश्य तं तदा बलेन रूपेण च यौवनेन च ।

गृहप्रयाणं प्रति च व्यवस्थितं शशस नन्दं श्रमणः स शान्तये ॥ ४ ॥

Sau đó, khi nhận thấy Nanda quá ảo tưởng vào sự tráng kiện, vẻ xinh đẹp, và sự trẻ trung, lại dứt khoát trong việc quay trở về nhà, nên vị sa môn ấy mới hướng dẫn thêm cho Nanda về sự tịch tịnh: (4)

बलं च रूपं च नवं च यौवनं तथावगच्छामि यथावगच्छसि ।

अहं त्विदं ते त्रयमव्यवस्थितं यथावबुध्ये न तथावबुध्यसे ॥ ५ ॥

- "Về sự tráng kiện, vẻ xinh đẹp, và sự trẻ trung tuổi mới ấy, đệ hiểu như thế nào thì huynh cũng biết như thế ấy. Tuy nhiên, điều mà huynh đã chứng ngộ được là ba trọng thái ấy của đệ chỉ có tánh cách tạm thời, thì đệ còn chưa thấu hiểu." (5)

इदं हि रोगायतनं जरावशं नदीतटानोक्कद्वयचलाचलं ।

न वेत्ति देहं जलफेनदुर्बलं बलस्थतामात्मनि येन मन्यसे ॥ ६ ॥

"Bởi vì đệ không biết rằng thân thể là hang ổ của tập bệnh, là đối tượng của sự già, mảnh mai như bọt nước, và bốc bênh như cây mọc ven sông; cho nên, đệ mới nghĩ rằng sự tráng kiện của cơ thể là trường tồn." (6)

यदान्नपानासनयानकर्मणामसेवनादप्यतिसेवनादपि ।

शरीरमासन्नविपत्तिं दृश्यते बलेऽभिमानस्तव केन हेतुना ॥ ७ ॥

"Một điều hiển nhiên là cơ thể phải gánh lấy sự khó chịu bởi sự thái quá, hoặc thiếu hụt của các hành động như ăn, uống, ngồi, đi, thì bởi lý do gì mà đệ lại tự hào về sự tráng kiện của mình ? " (7)

हिमातपन्याधिजराक्षुदादिभिर्वदाप्यनर्थैरुपनीयते जगत् ।

जलं शुचौ मास इवाकर्शमभिः क्षयं ब्रजन् किं बलहस मन्यसे ॥ ८ ॥

"Thế gian này đang bị tàn phá bởi những tai họa như là lạnh, nóng, bệnh, già, đói khát, v.v...tuông tã như ánh nắng mặt trời làm khô nước trong mùa nóng nực. Nay anh bạn tự mãn về sự tráng kiện kia ơi, để suy nghĩ thế nào trong khi bản thân của chính anh đang bị tàn tạ dần dần như thế ? " (8)

त्वगस्थिमांसक्षतजात्मकं यदा शरीरमाहारवशेन तिष्ठति ।

अजरुमार्तं सततप्रतिक्रियं बलान्वितोऽस्मीति कथं विहन्यसे ॥ ९ ॥

"Trong khi cái cơ thể được cấu tạo bởi da, xương, thịt, máu tồn tại nhờ vào năng lượng xuất phát từ thức ăn, lại phải chịu sự khổ sở triền miên, và luôn luôn cần sự bồi đắp, thì tại sao anh lại ảo tưởng rằng: 'Ta có sức mạnh!' nhỉ ? " (9)

यथा घटं मृन्मयमाममाश्रितो नरस्तितीर्थेत्क्षुभितं महार्णव ।

समुच्छ्रूयं तद्दसारमुद्गहन्बलं व्यवस्येद्विषयार्थमुद्यतः ॥ १० ॥

"Giống như một nam nhân, bám víu vào một cái chum bằng đất chưa nung, lại ao ước vượt qua đại dương trong mùa biển động: cùng tính chất ấy, trong khi anh chỉ có một cơ thể yếu đuối, được tổng hợp bởi nhiều thành phần, lại nghĩ rằng mình có sức mạnh và còn khao khát theo đuổi sắc trần nữa." (10)

शरीरमामादपि मृन्मयादद्यादिदं तु निःसारतमं मतं मम ।

चिरं हि तिष्ठेद्विषिवद्गतो घटः समुच्छ्रूयोऽयं सुधृतोऽपि भिद्यते ॥ ११ ॥

"Tuy nhiên, huynh nghĩ rằng cái chum làm bằng đất kia, mặc dù chưa được nung vẫn có giá trị hơn thân thể này; bởi vì, cái chum kia nếu được giữ gìn đúng cách sẽ tồn tại lâu dài, còn thân thể được tổng hợp này, cho dù có được khéo léo bảo dưỡng chống nũa, cũng sẽ tàn tạ dần." (11)

यदाम्बुभूवाय्वनलाश्च घातवः सदा विरुद्धा विषमा इवोरगाः ।

भवन्त्यनर्थाय शरीरमाश्रिताः कथं बलं रोगविधौ व्यवस्यसि ॥ १२ ॥

"Giống như các con rắn dữ tợn giết hại lẫn nhau, các nguyên tố như là nước, đất, gió, lửa kết hợp lại thành thân thể chỉ để sanh lên tai họa, bởi vì chúng luôn luôn đối nghịch với nhau. Sao để lại cho rằng là trạng kiện, trong khi bản thân là đối tượng của tội bệnh ? " (12)

प्रयान्ति मन्त्रैः प्रशमं भुजंगमा न मन्त्रसाध्यास्तु भवन्ति घातवः ।

क्वचिच्च कचिच्च दशन्ति पद्मगाः सदा च सर्वं च तुदन्ति घातवः ॥ १३ ॥

"Nhưng loài rắn còn bị ru ngủ bởi những chú thuật, còn những nguyên tố cấu thành cơ thể thì không bị chú thuật chinh phục. Loài rắn chỉ cần một đôi người và tùy lúc, còn những nguyên tố lại tấn công không phân biệt người nào và bất kể thời gian! " (13)

इदं हि शय्यासनपानभोजनैर्गुणिः शरीरं चिरमप्यवेक्षितं ।

न मर्षयत्येकमपि व्यतिक्रमं यतो महाशीविषवत्प्रकुप्यति ॥ १४ ॥

"Bởi vì, thân thể này tuy được tồn tại một thời gian dài nhờ vào những hành động thích hợp như ăn, uống, ngồi, nằm, nhưng không thể chịu đựng được sự lạm dụng, cho dù chỉ một chút thôi cũng sẽ trở bệnh ngay:

tuang tợ như bản chất của con rắn, nó sẽ co lại khi bị dẫm đạp lên cơ thể." (14)

यदा हिमार्तो ज्वलनं निषेवते

हिमं निदाघाभिहतोऽभिकाङ्क्षति ।

क्षुधान्वितोऽन्नं सलिलं तुषान्वितो

बलं कुतः किं च कथं च कस्य च ॥ १५ ॥

"Khi bị khổ sở vì lạnh thì dùng đến lửa, khi bị hành hạ bởi sức nóng thì tìm cầu sự mát mẻ, khi đói thì kiếm thức ăn, khi khát thì tìm nước uống; vậy thì do đâu có sự trống kiện? Sự trống kiện là gì? Làm thế nào để có sức mạnh? Và ai là chủ nhân của sức mạnh ấy?" (15)

तदेवमाज्ञाय शरीरमातुरं बलान्वितोऽस्मीति न मनुमर्हसि ।

असारमस्वन्तमनिश्चितं जगज्जगत्पनित्ये बलमव्यवस्थितं ॥ १६ ॥

"Khi hiểu được thân này là bệnh hoạn như thế rồi, đừng không thể nghĩ rằng: 'Ta có sự trống kiện.' Thân thể này là yếu đuối, không thuộc ai cả, và không vĩnh cửu. Ở trong cuộc đời vô thường này, sự trống kiện không tồn tại mãi." (16)

यः कार्तवीर्यस्य बलाभिमानिनः सहस्रबाहोर्बलमर्जुनस्य तत् ।

चकर्त बाहून्पुधि यस्य भार्गवो महान्ति शुक्राण्यशनिगिरिरिव ॥ १७ ॥

"Arjuna Kārtavīrya (A-r-jú-ná Ka-r-tá-vi-r-yá) có ngàn cánh tay và kiêu căng bởi sức mạnh của mình. Đó là sự cường tráng của chàng, khi bị Bhārgava (Bha-r-gá-vá) chém đứt những cánh tay trong trận tiền, giống như là tia sét đánh đổ những đỉnh núi khổng lồ vậy?" (17)

क्व तद्वलं कंसविकर्षिणो हरेस्तुरङ्गराजस्य पुटावभेदिनः ।

यमेकवाणेन निजघ्निवान् जराः क्रमागता रूपमिवोत्तमं जरा ॥ १८ ॥

"*Kṛpā* (*K-rí-s-ná*) là kẻ đã hành hạ *Karīṣa* (*Karī-sá*) và xuyên thủng hàm của vị chúa tể các loài ngựa. Vậy đâu là sự cường tráng của người khi bị *Jarā* (*Já-ra*) đánh bại chỉ bằng một mũi tên, tương tự như sự già sẽ làm tàn tạ sắc đẹp tuyệt trần chỉ với thời gian ? " (18)

दितेः सुतस्यामररोषकारिणश्चमूचेर्वा नमुचेः क्व तद्वलं ।

यमाहवे कुह्ममिवान्तर्क स्थितं जघान पेनावयवेन वासवः ॥ १९ ॥

"*Namuci* (*Ná-mú-ci*), con trai của *Diti* (*Đi-ti*), rống rở trong đoàn quân khiến các thiên thần phải nổi giận. Đầu là sự cường tráng của chàng, bởi vì trong cuộc giao tranh, *Vāsava* (*Va-sá-vá*) đã giết chàng chỉ bằng một bài nước miếng; và trước khi đi vào cõi chết dường như chàng rất tức tối ? " (19)

बलं कुरूणां क्व च तत्तदाभवद् युधि ज्वलित्वा तरसौजसा च ये ।

समित्समिद्धा ज्वलना इवाध्वरे हतासवो भस्मनि पर्यवस्थिताः ॥ २० ॥

"Anh em *Kaurava* (*Kau-rá-vá*) rống rở trong chiến trận nhờ sự nhanh nhẹn và lực lượng, như là ngọn lửa được khơi sáng trong buổi lễ tế thần nhờ vào những súc gỗ. Đầu là sự cường tráng của họ khi chỉ còn lại đám tro tàn sau khi từ bỏ mạng sống ? " (20)

अतो विदित्वा बलवीर्यमानिनां बलान्वितानामयमर्दितं बलं ।

जगज्जरामृत्युवशं विचारयन्बलेऽभिमानं न विधातुमर्हसि ॥ २१ ॥

"Do đó, khi biết rằng sự cường tráng của những người có sức mạnh, lại kiêu mạn bởi sự cường tráng và dũng cảm, rồi cũng bị tiêu hoại; và nhận thức được quyền lực của sự già và sự chết ở trong thế gian này, đệ chớ nên tỏ ra tự mãn về sự cường tráng của mình nữa." (21)

बलं महद्वा यदि वा न मन्यसे कुरुष्व युद्धं सह तावदिन्द्रियैः ।

जयश्च तेऽश्रान्ति महच्च ते बलं पराजयश्चेद्विजयश्च ते बलं ॥ २२ ॥

"Nếu đệ cho rằng sự cường tráng của mình là vĩ đại, hoặc không nghĩ như thế chẳng nữa, đệ hãy nên tiến hành cuộc chiến tranh với các giác quan. Trong cuộc chiến này, nếu đệ là người chiến thắng thì sự cường tráng của đệ thật vĩ đại, còn nếu đệ thua cuộc thì sự cường tráng của đệ không có gì cả." (22)

तथा हि वीराः पुरुषा न ते मता जयन्ति ये साध्व्यद्विपानरीन् ।

यथा मता वीरतरा मनीषिणो जयन्ति लोलानि यदिन्द्रियाणि ये ॥ २३ ॥

"Bởi vì, những người chiến thắng được đội quân thù nghịch có đầy đủ ngựa, xe, và voi cũng không được xem là những người dũng mãnh, mà chỉ những người có trí tuệ, chế ngự được sáu căn luôn giao động, mới xứng đáng hơn để được gọi là anh hùng." (23)

अहं वपुष्मानिति यच्च मन्यसे विचक्षणं नैतदिदं च गृह्यतां ।

क्व तद्वपुः सा च वपुष्मती तनुर्गदस्य शाम्यस्य च सारणस्य च ॥ २४ ॥

"Và điều mà đệ nghĩ rằng: 'Ta có thân hình đẹp'; quan điểm ấy không nên chấp thủ. Đầu là cái sọc đẹp ấy? Và đầu là thân hình đẹp đệ của Gada (Gá-dá), S'amba (Sam-bá) và Sarana (Sa-rá-ná)? " (24)

यथा मयूरधलधित्रचन्द्रको विभर्ति रूपं गुणवत्स्वभावतः ।

शरीरसंस्कारगुणादृते तथा विभर्षि रूपं यदि रूपवानसि ॥ २५ ॥

“Giống như một con công phò bày sắc đẹp nhờ bản chất được thiên nhiên trao tặng với chùm đuôi xoè tròn đủ màu sắc long lánh; cũng giống như thế ấy, nếu đệ thực sự là tuấn tú, thì đệ hãy phò bày sắc đẹp ấy không cần phải sửa soạn điểm trang cho thân thể.” (25)

यदि प्रतीपं वृणुयान्न वाससा न शौचकाले यदि संस्पृशेदपः ।

मृजाविशेषं यदि नाददीत वा वपुर्वपुष्मन्वद कीदृशं भवेत् ॥ २६ ॥

“Này anh chàng đẹp trai ơi, hãy nói cho huynh rõ, nếu như hành động ngược lại, không che đậy bằng lụa là, nếu không dùng nước trong lúc tắm rửa, nếu không tẩy sạch các vết dơ, thì thân thể này sẽ như thế nào ? ” (26)

नव वयश्चात्मगतं निशाम्य यद्रुहोन्मुखं ते विषयाप्तये मनः ।

नियच्छ तच्छैलनदीरयोपमं द्रुतं हि गच्छत्यनिवर्ति यौवनं ॥ २७ ॥

“Đệ nghĩ rằng đệ đang độ tuổi thanh xuân, nên có tư tưởng hướng về gia đình để tận hưởng dục lạc. Hãy chận dừng tư tưởng ấy đi, vì tuổi thanh xuân đi qua rất nhanh không trở lại; tương tự như giòng nước phát xuất từ núi đổ ào xuống, không thể chảy ngược trở về.” (27)

अतुल्यतीतः परिवर्तते पुनः क्षयं प्रयातः पुनरेति चन्द्रमा ।

गतं गतं नैव तु संनिवर्तते जलं नदीनां च नृणां च यौवनं ॥ २८ ॥

“Mùa tiết qua đi rồi lại đến, một trăng khuyết rồi lại tròn, nhưng nước của những giòng sông và tuổi thanh xuân

của đời người cứ lần lượt trôi đi, nhưng sẽ không bao giờ quay trở lại." (28)

विवर्णितश्मश्रु वलीविकुञ्चतं विशीर्णदन्तं शिथिलध्रु निष्प्र प्रस्र ।

यदा मुखं द्रक्ष्यसि जर्जरं तदा जराभिभूतो विमदो भविष्यति ॥ २९ ॥

"Rồi đây sẽ nhận thấy khuôn mặt mình tàn tạ bởi râu tóc bạc màu, cơ rút nhăn nheo, răng rụng, lông mày thưa thớt, và vẻ sáng láng mất đi; khi ấy, đây sẽ bị tuổi già chế ngự và không còn vui sướng nữa." (29)

निषेव्य पानं मदनीयमुत्तमं निशाविवासेषु चिराद्विमाद्यति ।

नरस्तु मत्तो बलरूपयौवनैर्न कश्चिदप्राप्य जरां विमाद्यति ॥ ३० ॥

"Một nam nhân, sau khi liên tục uống vào loại rượu hảo hạng, sẽ hết cơn say có nhiều lắm chỉ trong vài đêm; nhưng khi đã mê đắm sự cường tráng, vẻ xinh đẹp, và sự trẻ trung, thì không ai có thể thoát khỏi cơn ảo tưởng khi chưa đến tuổi già." (30)

यथेक्षुरत्यन्तरसप्रपीडितो भुवि प्रविद्धो दहनाय शुष्यते ।

तथा जरायन्त्रनिपीडिता तनुर्निपीतसारा मरणाय तिष्ठति ॥ ३१ ॥

"Giống như cây mía đường, sau khi bị ép chặt để lấy đi toàn bộ nước cốt, thì bị ném trên một đất đến khi khô ráo thì dùng làm chất đốt; cũng như thế ấy, thân thể này cũng bị nhà máy ép là tuổi già vắt kiệt. Đến khi sức sống đã bị rút kiệt thì chỉ đi đến tử vong." (31)

यथा हि नृभ्यां करपञ्चमीरितं समुच्छ्रितं दारु भिनत्त्यनेकधा ।

तथोच्छ्रितां पातयति प्रजामिमामहर्निशाभ्यामुपसंहिता जरा ॥ ३२ ॥

"Bởi vì, giống như một cái cửa, được xử dụng bởi hai người đàn ông, sẽ của đứt một thân cây gỗ lớn thành nhiều khúc; cũng giống như thế ấy, sự già kết hợp với ngày và đêm sẽ đánh ngã gục cái sinh mạng lớn lao này." (32)

स्मृतेः प्रमोषो वपुषः पराभवो रतेः क्षयो वाच्छ्रुतिचक्षुषां ग्रहः ।

श्रमस्य यौनिर्वलवीर्ययोर्वधो जरासमो नास्ति शरीरिणां रिपुः ॥ ३३ ॥

"Kẻ thù của cơ thể không gì bằng sự già, vì sự già là kẻ đánh cắp trí nhớ, là sự hủy hoại nhan sắc, là kẻ thù tiêu sự khoái lạc, là kẻ đoạt lấy sự nói năng, sự nghe, và sự nhìn, là nguồn gốc sanh ra sự mỏi mệt, và là kẻ tàn phá sự cường tráng và sự dũng mãnh." (33)

इदं विदित्वा निधनस्य देशिकं जराभिधानं जगतो महद्भयं ।

अहं वपुष्मान्वलवान्युवेति वा न मानमारोहुमनार्यमर्हसि ॥ ३४ ॥

"Khi đã biết rằng điều nguy hiểm to lớn của thế gian được gọi tên là sự già, là hiện tượng dẫn đến sự chết, thì để chớ nghĩ rằng: 'Ta có sắc đẹp, cường tráng, và trẻ trung'; hoặc là trở nên ngả mạn một cách không được tế nhị." (34)

अहं ममेत्येव च रक्तचेतसां शरीरसंज्ञा तव यः कलौ ग्रहः ।

तमुत्सृज्यैव यदि शाम्यता भवेद्भयं ब्रह्म चेति ममेति चार्हति ॥ ३५ ॥

"Chính những suy nghĩ trong ảo tưởng của đề về cơ thể như là 'Ta' hay 'Của ta', là sự trói buộc của tâm vào sự ái luyến. Hãy cởi bỏ sự trói buộc ấy đi, nếu vậy thì sự tịch tịnh sẽ hiện hữu; bởi vì, người nào nghĩ rằng: 'Ta' hay 'Của ta' sẽ bị rơi vào bất hạnh." (35)

यदा शरीरं न वशोऽस्ति कस्यचिन्निरस्यमाने विविधैरुपप्लवैः ।

कथं क्षमं वेत्तुमर्हं ममेति वा शरीरसंज्ञं गृहमापदामिदं ॥ ३६ ॥

"Trong khi không một ai có quyền lực đối với cái cơ thể đang bị tàn phá bởi những tai họa vô số kể, sao gọi là hợp lý khi nghĩ rằng ngôi nhà đầy tai họa này, tức là cái thân thể này, là 'Ta' hay là 'Của ta' ? " (36)

सपन्नगे यः कुण्डे सदाशुचौ रमेत नित्यं प्रतिसंस्कृतेऽबले ।

स दुष्टधातावशुचौ चलाचले रमेत काये विपरीतदर्शनः ॥ ३७ ॥

"Kẻ mà vui thú trong căn nhà tồi tàn, đầy rần rết, luôn dơ bẩn, xấu xí, cần phải tu bổ, thì cũng là kẻ có quan điểm sai quấy, và vui thú với cái cơ thể luôn biến đổi, dơ bẩn, gồm nhiều nguyên tố đối nghịch lẫn nhau." (37)

यथा प्रजाभ्यः कुण्डो बलाद्धलीन्द्रत्यशेषं च न चाभिरक्षति ।

तथैव कायो वसनादिसाधनं हरत्यशेषं च न चानुवर्तति ॥ ३८ ॥

"Giống như một vị vua tồi, dùng vô lực tháo vào đủ loại thuế má từ dân chúng, mà không lo bảo vệ họ; cũng như thế ấy, cơ thể này đòi hỏi một cách toàn diện các thứ cung phụng như áo quần v.v... nhưng lại không chịu phục tùng." (38)

यथा प्ररोहन्ति तृणान्यन्नतः क्षितौ प्रयन्नाचु भवन्ति शालयः ।

तथैव दुःस्वानि भवन्त्यप्यन्नतः सुस्वानि यन्नेन भवन्ति वा न वा ॥ ३९ ॥

"Giống như cỏ dại sinh trưởng trên một đất không cần vun xới, nhưng các cây lúa lại cần công chăm bón;

cũng chính như thế ấy, khổ đau sanh khởi không chút khó khăn, còn hạnh phúc sanh lên cần nhiều nỗ lực nhưng chưa hẳn đã được thành tựu như ý.” (39)

शरीरमार्तं परिकर्षतश्चलं न चास्ति किञ्चित्परमार्थतः सुखं ।

सुखं हि दुःखप्रतिकारसेवया स्थिते च दुःखे तनुनि व्यवस्यति ॥ ४० ॥

“Trong thực tế, con người kéo lê cái thân thể khổ sở, bấp bênh, không chút gì là khoái lạc cả; bởi vì, khoái lạc sanh lên trong sự hiện diện của khổ đau, tuy rằng nhỏ nhoi, nhưng lại gắn liền với việc đưa đến những khổ đau lớn lao hơn.” (40)

यथानपेक्ष्याद्यधमपीप्सितं सुखं प्रवाधते दुःखमुपेतमण्वपि ।

तथानपेक्ष्यात्मनि दुःखमागतं न विद्यते किञ्चन कस्यचित्सुखं ॥ ४१ ॥

“Nếu như một người không chấp nhận cái khoái lạc đang được ước ao tuy tuyệt vời, vì phải chấp nhận sự khổ sở đi cùng tuy rằng nhỏ nhoi; như thế, nếu không chấp nhận cái khổ sở ấy xảy đến cho bản thân, thì sẽ không ai có được chút gì khoái lạc.” (41)

शरीरमीहम्बहुदुःखमधुवं फलानुरोधादथ नावगच्छसि ।

द्रव्यफलेभ्यो धृतिरश्मिभिर्मनो निगृह्यतां गौरिव सस्यलालसा ॥ ४२ ॥

“Cho nên, vì sự đắm say trong những khoái lạc ấy, cho nên đệ không nhận thức được cái cơ thể này không vĩnh cửu, và nhiều khổ đau như thế ấy. Đệ cần phải kiềm chế cái tâm bằng sợi dây buộc của sự kiên định để tránh khỏi những khoái lạc ấy khuấy động, tương tự như việc buộc chặt con bò đang khao khát gặm nát đám lúa bằng sợi dây thừng vậy.” (42)

न कामभोगा हि भवन्ति तृप्तये हर्वापि दीप्तस्य विभावसोरिव ।

यथा यथा कामसुखेषु वर्तते तथा तथेच्छा विषयेषु वर्धते ॥ ४३ ॥

“Sự đam mê về dục lạc không bao giờ thỏa mãn được, giống như vật thể thần lửa không bao giờ đủ cho một ngọn lửa đang cháy sáng rực. Càng đắm mình trong khoái lạc yếu đuối, thì lòng ham muốn các đối tượng liên hệ đến dục lạc càng thêm tăng trưởng.” (43)

यथा च कुष्ठव्यसनेन दुःखितः प्रतापयान्नैव शमं निगच्छति ।

तथेन्द्रियार्थेष्वजितेन्द्रियश्चरन्न कामभोगैरुपशान्तिमृच्छति ॥ ४४ ॥

“Và giống như một người bị khổ sở do bị bệnh phong cùi không thể nào có được sự bất bệnh nhờ sức nóng; cũng tương tự như thế, người có giác quan chưa được chế ngự, lại đang đắm say trong các đối tượng của dục lạc, thì không thể nào đạt được sự an tịnh cũng chính vì sự hưởng dụng các dục lạc ấy.” (44)

यथा हि भैषज्यसुखाभिकाङ्क्षया भजेत रोगान्न भजेत तत्समं ।

तथा शरीरे बहुदुःखभाजने रमेत मोहाद्विषयाभिकाङ्क्षया ॥ ४५ ॥

“Cũng giống như một người bị nhiều thứ bệnh, nhưng không muốn được khỏi bệnh, chỉ vì khao khát vị ngon ngọt của những phương thuốc; cũng như thế ấy, do sự vô minh, một người tận hưởng khoái lạc ở trên thân thể là nơi chứa đựng lắm nỗi khổ đau, cũng chỉ vì lòng khao khát ngũ trần.” (45)

अनर्थकामः पुरुषस्य यो जनः स तस्य शत्रुः किल तेन कर्मणा ।

अनर्थमूला विषयाश्च केवला ननु प्रहेया विषमा यथारयः ॥ ४६ ॥

"Kẻ nào có ước muốn xấu xa đối với một người khác được xem là kẻ thù của người ấy; đúng lý ra, kẻ thù là ước muốn xấu xa ấy. Còn đối tượng của các giác quan lại là nguồn gốc duy nhất của các sự xấu xa; cần phải dứt bỏ chúng không do dự, như phải tránh xa kẻ thù nguy hiểm vậy." (46)

इहैव भूत्वा रिपवो वधात्मकाः प्रयान्ति काले पुरुषस्य मित्रतां ।

परत्र चैवेह च दुःखहेतवो भवन्ति कामा न तु कस्यचिच्छिवाः ॥ ४७ ॥

"Chính ở trong thế gian này, những kẻ thù địch có bản tánh sát nhân còn có thể thay đổi theo thời gian, rồi kết tình thân hữu với người khác; nhưng ở thế gian này và ngay cả ở trong thế gian khác, sự ái luyến luôn là nguyên nhân gây nên khổ đau và không đem lại một điều gì tốt đẹp cho ai cả." (47)

यथोपयुक्तं रसवर्णगन्धवद्बुधाय किंपाकफलं न पुष्टये ।

निषेव्यमाणा विषयाश्चलात्मनो भवन्त्यनर्थाय तथा न भूतये ॥ ४८ ॥

"Giống như trái cây Kim-pa-la (Kim-pa-lá) trông ngon lành với vị, sắc, và hương thơm, nhưng khi được ăn vào thì không có chất bổ dưỡng mà còn đưa đến tử vong; cũng như thế ấy, các đối tượng của giác quan khi được hưởng dụng chỉ làm cho tâm bị tán loạn, còn đem lại bất hạnh, và không có chút gì tốt lành." (48)

तदेतदाज्ञाय विषाम्मनात्मना विमोक्षधर्माद्युपसहितं हितं ।

जुषस्य मे सज्जनसंमतं मतं प्रचक्ष्व वा निधयमुद्विरन् गिरं ॥ ४९ ॥

"Do đó, với tâm tư không nhiễm ô tội lỗi, đệ hãy nhận thức sự lợi ích trong việc tu tập Giáo-pháp giải thoát,

hãy hoan hỷ thực hành theo quan điểm của huynh muội các bậc thiện trí thức đã tán đồng; còn không thì hãy nói lên thành lời ý định của mình.” (49)

इति हितमपि बह्वीदमुक्तः श्रुतमहता श्रमणेन तेन नन्दः ।

न धृतिमुपपयौ न शर्म लेभे द्विरद इवातिमदो मदान्यचेताः ॥ ५० ॥

Mặc dầu được vị đại sa-môn đa văn ấy giảng giải rất nhiều về những điều lợi ích, nhưng Nanda vẫn không định tỉnh và không tìm lại được thanh thần, vì tâm trí bị che ám bởi sự yếu đuối, trông giống như là con voi đực đứng ở vào thời kỳ giao phối. (50)

नन्दस्य भावमवगम्य ततः स भिक्षुः

पारिप्लव्यं गृहसुखाभिमुखं न धर्मे ।

सत्त्वादायानुशयभावपरीक्षकाय

बुद्धाय तत्त्वविदुषे कथयाचकार ॥ ५१ ॥

Sau đó, biết được tâm ý của Nanda đang bị giao động, hướng về dục lạc của gia đình chứ không phải hướng về Giáo-pháp, vị tỷ khuê ấy liền trình bày sự việc đến Đức Phật, là vị thông hiểu thế gian, là hiện thân của sự thấu suốt về bản chất, khuynh hướng, và tư tưởng của chúng sanh. (51)

सौन्दरनन्दे महाकाव्ये मदापवादो नाम नवमः सर्गः ।

Chương thứ chín “Phê phán về sự yếu đuối”
của bộ trường thi “Saundarananda”